

HÁT DẬM QUYỂN SƠN, quy trình lễ hội và đặc điểm diễn xướng

LÊ HỮU BÁCH*

Là một làng lớn vào loại nhất nhì của trấn Sơn Nam xưa, của tỉnh Hà Nam nay, có yếu tố bán sơn địa, Quyển Sơn, thường gọi làng Quyển - một địa danh, một đơn vị tụ cư lâu đời, còn tàng trữ trong nó nhiều tầng, lớp "trầm tích" văn hoá dân gian. Một trong những tầng và lớp "trầm tích" văn hoá dân gian tiêu biểu nhất của làng Quyển, là Hát Dặm, hay còn gọi là hội Dặm. Vì là một lễ hội cổ truyền lớn, tương đối cổ sơ, nên khoảng năm chục năm qua, Hát Dặm đã trở thành đối tượng được quan tâm nghiên cứu, sưu tầm, nhưng kết quả đạt được còn rất khiêm tốn. Bởi thế, với bài viết này, thông qua việc khảo sát quy trình lễ hội và nhận diện đặc điểm diễn xướng của Hát Dặm, chúng tôi hy vọng bước đầu giúp độc giả hình dung một cách rõ nét về diện mạo, bản chất và quy luật vận hành của đối tượng, như nó vốn có, như chúng tôi hiểu.

1. Hát Dặm Quyển Sơn là gì?

Đây là một câu hỏi mà bất cứ ai khi nghiên cứu lễ hội truyền thống này cũng phải đặt ra và trả lời. Hiện tại, trong giới nghiên cứu folklore còn tồn tại nhiều quan niệm khác nhau về Hát Dặm. Nhưng theo suy nghĩ của chúng tôi, Hát Dặm cần được hiểu theo cả nghĩa hẹp lẫn nghĩa rộng của từ này. Hiểu theo nghĩa hẹp, Hát Dặm là dân ca nghi lễ, được múa hát, biểu diễn nơi cửa đình, cửa đền nhằm tái hiện sự kiện và nhân vật lịch sử, ca ngợi công đức Thành hoàng, cầu mong làng xóm an Khang, thịnh đạt. Còn hiểu theo

nghĩa rộng, nghĩa đầy đủ, thì Hát Dặm là lễ hội lịch sử - phong tục, nhằm tái hiện lịch sử cùng võ công binh Tống phạt Chiêm hiển hách của Lý Thường Kiệt, qua đó gửi gắm ước mong nhân Khang vật thịnh, mùa màng bội thu.

2. Sơ lược nguồn gốc

Hiện tại, có người hiểu Hát Dặm là dân ca, dân vũ, dân nhạc do Lý Thường Kiệt học được của người Chiêm Thành rồi đem dạy cho người dân làng Quyển. Chúng tôi, trên cơ sở tổng hợp các nguồn tài liệu, bước đầu rút ra mấy nhận định sau:

- Đây là trò múa hát, biểu diễn, tế lễ, thi đấu mang tính nguyên hợp, vốn nảy sinh từ thời sơ sử, dưới dạng hát Đối, hát Đúm, hay hát nghi lễ, có liên quan mật thiết đến tín ngưỡng nông nghiệp của cư dân lúa nước Quyển Sơn, sau được "lịch sử hoá", "nghi lễ hoá", "nghệ thuật hoá" thành lễ hội lịch sử - phong tục khoảng giữa hay cuối thế kỷ XI, do tầm vóc và sức hút của nhân vật lịch sử, rồi được bổ sung, vận động, biến đổi suốt gần nghìn năm qua.

- Hát Dặm nảy sinh trên cơ tầng văn hoá dân gian làng Quyển, trong bối cảnh lịch sử - văn hoá huyện Kim Bảng, chứ không có nguồn gốc ngoại lai. Quá trình giao lưu, tiếp biến văn hoá giữa Quyển Sơn với các vùng, miền, các tộc người, nếu có cũng không đủ sức làm thay đổi nguồn gốc bản địa của nó.

3. Quy trình lễ hội

3.1. Thời gian, không gian, địa điểm

Từ xa xưa cho đến năm 1950, Hát Dặm với tư

cách là lễ hội cổ truyền, được định kỳ tổ chức trước tiên tại đình Trung (nay gọi là "đình Cháy"), sau được tổ chức tại Đền Trúc, vào thời điểm từ mồng 1 tháng 2 đến mồng 10 tháng 2 Âm lịch hàng năm (Lễ hội được mở tại đình Trung từ mồng 1 đến mồng 6, rồi ở Đền Trúc từ mồng 7 đến mồng 10. Chiều mồng 10 thì văn hội, đóng cửa đền). Có lẽ, gần một ngàn năm qua, hội Dặm vẫn diễn ra theo trình tự như vậy, có thay đổi nhưng không đáng kể. Tính chất định kỳ về thời gian (đầu xuân mỗi năm), địa điểm và không gian (đình Trung, chùa Trung, Đền Trúc, Núi Cấm, khúc sông Đáy trước cửa đền) của Hội Dặm như thế là tương đồng với thời gian và không gian của nhiều lễ hội khác ở đồng bằng và trung du Bắc bộ. Chỉ từ năm 1950 - khi giặc Pháp đốt đình Trung, chùa Trung, thì dân làng Quyển mới tổ chức hội Dặm ở đền Trúc từ mồng 1 đến mồng 6 tháng 2 Âm lịch (ít hơn so với trước đó 4 ngày).

3.2. Hoạt động chuẩn bị

3.2.1. *Chuẩn bị lễ vật*: Để có lễ vật hiến dâng thần linh, dân làng Quyển thực hiện phân bổ việc chuẩn bị theo đầu đình, theo giáp và thu từ nguồn ruộng tự điền. Làng Quyển trước năm 1945 có 4 giáp, khi làng vào đám nhất thiết phải có đủ 4 mâm lễ vật thịnh soạn theo quy ước, không thể thiếu vắng hay chậm trễ. Và cũng do năm nào làng cũng mở hội, mà các trưởng giáp phải chọn cách phân bổ xuất đình theo vòng tròn, hết vòng thì quay lại từ đầu. Từ cơ sở phân bổ của trưởng giáp, các gia đình có đầu đình "được" đóng góp lễ vật sẽ có kế hoạch chủ động nguồn lương thực, thực phẩm từ đầu năm (nuôi gà, lợn, cấy lúa nếp, trồng đỗ tằm). Ngay từ chiều ngày 30 tháng Giêng và chiều mồng 5 tháng 2 Âm lịch, các gia đình đã xem giờ tốt để chế biến thực phẩm với tinh thần khẩn trương và cầu kỳ nhất.

3.2.2. *Luyện tập tế lễ, múa Hát Dặm, rước kiệu, bơi chải và các trò thi đấu thể thao dân gian khác*.

Để lễ hội diễn ra suôn sẻ, thành công, các phường, hội, họ (không phải dòng họ) phải luyện tập. Các quan viên, kỳ mục luyện tập tế lễ; họ Dặm luyện tập các làn điệu Dặm; nam thanh niên các giáp tập bơi chải trên sông Đáy; phường bát âm tập các làn điệu lưu thủy hành văn; phường đồng văn tập đánh trống rước, trống tế; phường chèo tập diễn các vở chèo cổ. Khi các

phường, hội, họ đã tập luyện đến mức thành thục thì vị tiên chỉ cho hợp cả lại để tập rước kiệu. Đây được coi là hình thức tổng diễn tập trước khi hội làng mở.

Bên cạnh các hoạt động luyện tập, dân làng Quyển còn chú ý may sắm, sửa sang quần áo, cờ quạt, quét dọn đường làng, ngõ xóm. Cảnh sắc và không khí làng Quyển trước lễ hội thật là sôi động, náo nức.

3.2.3. *Cử người viết văn tế*: Trong hội Dặm, tế lễ được coi là nghi thức quan trọng nhất. Song muốn thế, phải có văn tế viết bằng chữ Hán. Trước khi mở hội khoảng một tuần, các quan viên họp cử người viết văn tế gọi là "điển văn". Công việc viết văn tế gọi là "tả văn", rất được cộng đồng tôn kính. Người viết văn tế phải là người giỏi chữ Hán nhất làng, vợ chồng song toàn, con cái đầy đủ cả nam lẫn nữ và năm đó không vướng đại tang.

3.2.4. *Lễ mộc dục*: Vào cuối tháng Giêng, các kỳ dịch, kỳ mục sắm lễ, chọn ngày tốt, cáo yết Thành hoàng để xin làm lễ mộc dục, tức là tắm rửa một cách tượng trưng cho tượng, thần vị và xin phép mở hội. Thủ tục này bắt buộc phải có trước khi mở hội Dặm.

3.3. Thành phần tham dự, cách thức tổ chức

Quan niệm hội Dặm là long trọng và thiêng liêng nhất của cộng đồng trong một năm, nên khi làng vào đám, tất cả dân chúng, từ già đến trẻ, từ các chức sắc, kỳ dịch đến bạch đình, nam cũng như nữ đều tham dự trên tinh thần tự nguyện, hoà nhập, dần thân.

Tuy nhiên, nếu quan sát hội Dặm ở từng góc độ khác nhau thì lại thấy thành phần tham dự hội lễ có những biến thiên khác nhau. Tham dự tế lễ Thành hoàng ngày mồng 1 và mồng 6 ở đình Trung có các quan viên và thành viên hội tư văn, phường bát âm, phường đồng văn, họ Dặm. Tham dự bơi chải và đấu vật có các hoàng nam của 4 giáp. Bô lão và trung niên thì chơi tổ tôm điểm. Trẻ con và phụ nữ thì có mặt ở hầu hết các trò thể thao - thi đấu để xem và cổ vũ - riêng hoạt động tế lễ của quan viên là họ không được phép có mặt. Với cuộc rước kiệu thì người nào việc ấy, cả làng cùng tham dự, đông vui, hồ hởi: Như thế, trong dịp lễ hội, toàn thể dân làng đều tìm thấy, đều được chia sẻ niềm vui, niềm thành kính thiêng liêng. Đó chính là cách người dân " nạp năng lượng thiêng" vào đời sống tinh thần của mình, hy vọng nó tốt đẹp hơn sau lễ hội.

3.4. Trình tự và diễn biến chính của hội Dậm.

Lễ hội Hát Dậm, về cơ bản, bao gồm 3 nhóm hoạt động chính:

- Tế lễ, rước sách
- Diễn xướng các trò thi đấu - thể thao - biểu diễn - trò chơi.
- Tiệc tùng - ẩm thực thụ lộc...

Sau đây chúng tôi xin tập trung giới thiệu một số hoạt động cụ thể/tiêu biểu của lễ hội.

3.4.1. Rước kiệu: Rước kiệu là rước tượng thần, thần vị từ đình đến đền, đền chùa và ngược lại, với một nghi vệ rất trọng thể. Sáng ngày mồng 1 tháng 2 Âm lịch, vào giờ tốt, dưới sự điều hành của các kỳ dịch, kỳ mục, các phu kiệu, phường đồng văn, phường bát âm, đội cờ... xuất phát từ đình Trung, chia làm ba toán, đến đền Trúc, chùa Trung, chùa Giổ, xin cáo yết, rước thần vị của thần, thánh (có thể đều là Lý Thường Kiệt), Phật lên long kiệu, đưa về đình tế hội tế. Đám rước kiệu làng Quyển thật đông vui, náo nhiệt, rực rỡ sắc màu.

3.4.2. Tế lễ: Khi đám rước kiệu đến đền Trung (sau khoảng một giờ diễu hành), thì cũng là lúc nhóm đình tráng đi rước văn tế ở nhà ông điển văn về tới nơi. Việc tế Thành hoàng, thần, Phật liền được tiến hành trong khoảng 3 giờ, với những nghi thức long trọng nhất. Các quan viên tham dự đại tế khoảng 20 vị, gồm chủ tế, bồi tế, Đông xướng, Tây xướng, chấp sự, đều ăn vận trang phục đại trào đúng theo quy định chung của làng Quyển. Quá trình tế lễ được cử hành bài bản, lớp lang, qua các bước sau:

- Lễ nghênh thần
- Khởi tuần hương đăng
- Sơ hiến lễ
- Á hiến lễ
- Chung hiến lễ - lễ tất

Trong khi các quan viên tế lễ, thì họ Dậm, dưới sự chỉ dẫn của bà Trùm, thực hành múa hát thờ thần, rất nhịp nhàng, ăn khớp với tế lễ. Các gái Dậm đi cách điệu thành hai hàng, từ sân đình vào gian trung tâm, vào hậu cung, rồi lại đi ra, theo hai chiều ngược nhau. Khi đi từ gian hậu cung, gian trung tâm ra, các gái Dậm múa hát các làn điệu Dậm. Còn khi đi từ ngoài sân đình vào gian trung tâm, thì chỉ múa chứ không hát, (có lẽ tránh ồn ào, ảnh hưởng tiêu cực đến đại tế).. Giữa tế lễ và múa hát Dậm cứ đan xen vào nhau, cùng phát huy ảnh hưởng cho đến khi kết thúc cuộc tế. Tất cả đều diễn xướng trong tiếng

Lê Hữu Bách: *Hát Dậm Quyển Sơn, quy trình...*

chiêng, tiếng trống cầm nhịp, trong tiếng nhạc lưu thủy vang lừng, réo rắt.

3.4.3. Múa hát Dậm khi không đi kèm tế lễ.

Múa hát Dậm thờ thần của làng Quyển được tiến hành theo hai phương thức, đó là:

- Đan xen cùng tế lễ (như vừa trình bày trên đây)

- Hát múa độc lập, thay cho lễ túc trực. (Về diễn xướng, trang phục, lễ lối của múa hát Dậm khi không đi kèm tế lễ, chúng tôi đã có dịp khảo tả, đánh giá tương đối chi tiết trong bài viết "*Hát Dậm Quyển Sơn - một loại hình nghệ thuật nguyên hợp*" đăng trên tạp chí "Văn hoá văn nghệ" của Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nam, số 6/1998).

3.4.4. Bơi chải: Là một thành tố quan trọng cấu thành hội Dậm. Đây là một trò thi đấu - thể thao thuộc loại lớn và vui, hầu như năm nào cũng diễn ra vào buổi sáng ngày mồng 6 tháng 2 Âm lịch, trên khúc sông Đáy trước cửa đền Trúc, song song với tế lễ và múa hát Dậm ở đình Trung. Nếu múa hát Dậm chỉ dành cho nữ giới son trẻ, thanh tân, thì bơi chải chỉ dành cho nam giới.

Sáng sớm mồng 6, trai bơi của 4 giáp và dân làng Quyển đã có mặt đông đủ ở cửa đền Trúc. Một quan viên dẫn các trai bơi vào đền trình diện thần. Rồi, các thuyền trưởng dẫn họ lần lượt xuống thuyền đua, vào vị trí xuất phát. Đúng giờ ấn định, trống nổi vang rền. Các trai bơi nín thở chờ lệnh giám khảo. Khi chiếc cờ đuôi nheo trên tay vị giám khảo chém mạnh xuống không khí, cuộc đua chải lập tức diễn ra. Cả bốn thuyền đua lao nhanh như tên bắn. Các trai bơi sải dầm xuống nước, nhanh mạnh, dứt khoát. Tiếng dầm xé nước rào rào, sôi sục.. Tiếng reo hò cổ vũ vang dội cả một vùng quê. Không khí hào hùng gợi nhớ cuộc hành quân đường thủy bình Tống, phạt Chiêm do Lý Thường Kiệt chỉ huy ở thế kỉ XI. Niềm vui, niềm xúc động trào dâng trong mỗi người dân.

3.4.5. Các trò vui, thi đấu thể thao khác.

Hội Dậm xưa kéo dài 10 ngày. Cho nên ngoài tế lễ, múa hát Dậm, bơi chải, ban tổ chức còn chủ động khuyến khích các trò chơi, thi đấu - thể thao khác như tổ tôm điểm, leo dây múa rối, cờ người, chọi gà, đấu vật... Các trò chơi, thi đấu - thể thao này diễn ra hoặc đan xen, hoặc nối tiếp, hoặc song song với bơi chải và múa hát Dậm, với đông người cổ vũ, góp phần quan trọng

làm cho hội Dậm thêm thiêng liêng, vui nhộn, hơi xô bồ, song có sức cuốn hút lớn với các thành viên cộng đồng làng xã.

4. Đặc điểm diễn xướng

4.1. Cấu trúc hội

Để chỉ ra đặc điểm diễn xướng của lễ hội hát Dậm, trước hết cần chỉ ra được cấu trúc hội, các hành động chính của hội.

Khảo cứu lễ hội Hát Dậm, chúng tôi nhận thấy các hành động chính của hội như sau:

4.1.1. Loại hành động hội mang tính chất nghi lễ là chính: rước kiệu, tế lễ - trong đó, lại có thể phân xuất thành những hành động hội nhỏ hơn, như:

- Dạng hành động hội có tính chất nghi lễ: hiến tế, rước, lễ vật, hương đăng, đốt pháo.

- Dạng hành động hội có tính chất ngợi ca, bày tỏ, cầu xin: đọc sắc phong, thần phủ, văn tế...

4.1.2. Loại hành động hội mang tính chất thi đấu - thể thao là chính: bơi chải, đấu vật, chọi gà, cờ người, tổ tôm điểm, leo dây múa rối...

4.1.3. Loại hành động hội mang tính chất biểu diễn - nghệ thuật là chính: múa lân, diễn chèo, diễn tuồng...

4.1.4. Loại hành động hội vừa mang tính chất nghi lễ, vừa mang tính chất biểu diễn - nghệ thuật: tấu nhạc bát âm (cả khi rước kiệu lẫn khi tế lễ), múa hát Dậm...

Dĩ nhiên, việc phân định thành 4 loại hành động hội trên chỉ mang tính tương đối. Xét cho cùng thì hành động hội nào được trình diễn trong lễ hội không ít nhiều có liên quan đến nghi lễ, đến "cái thiêng" cùng niềm tin của cộng đồng vào "cái thiêng" ấy. Trong số 4 loại hành động hội lớn, lại có thể phân định thành hành động hội chính phổ biến (có ở nhiều lễ hội), hành động hội chính cá biệt (chỉ có ở một lễ hội), hành động hội phụ (năm có năm không). Tất cả các hành động hội đều là cơ sở hình thành đặc điểm diễn xướng của hội Dậm.

4.2. Đặc điểm diễn xướng

4.2.1. Trước hết, đây là hành động hội chính cá biệt nhằm tái hiện sự kiện lịch sử và nhân vật anh hùng - ở đây chủ yếu là chiến công bình Tống phật Chiêm của quân dân nhà Lý do Lý Thường Kiệt chỉ huy ở thế kỷ XI, nhằm bảo vệ chủ quyền độc lập dân tộc và cương vực đất nước Đại Việt. Hành động hội chính cá biệt được các gái Dậm trình diễn qua các làn điệu "Trảy

quân", "Mái hò một", "Mái hò hai", "Mái hò ba", "Chèo quỳ"... Nét đặc thù trong diễn xướng của hành động hội cá biệt là tập trung vào hình ảnh mái chèo và con thuyền - hình ảnh biểu trưng, ước lệ đó mang dấu ấn văn hoá lúa nước đậm nét.

4.2.2. Đặc điểm diễn xướng thứ hai của hội Dậm là tái hiện công việc sản xuất nông nghiệp, và việc tổ chức, xây dựng làng xã. Đặc điểm này thể hiện qua hình ảnh biểu trưng cấy lúa, chăn tằm, dệt củi, làm nhà..., được bộc lộ qua các làn điệu "Trấn ngũ phương", "Cần miều", "Chăn tằm", "Mắc củi", "May áo"... Số làn điệu trên chiếm 60% tổng số làn điệu Dậm, chứng tỏ Hát Dậm chính là lễ hội nông nghiệp - phong tục, sau được "lịch sử hoá" thành lễ hội lịch sử - phong tục.

4.2.3. Đặc điểm diễn xướng thứ ba của hội Dậm là thuần túy lĩnh xướng, đồng xướng, đôi xướng giữa nữ với nữ (chứ không phải giữa nữ với nam như ở nhiều lễ hội khác (hát Xoan, hát Dô, và Tàu Tượng, Quan họ...). Hiện tại ở Việt Nam, chúng tôi chưa tìm thấy lễ hội nào chỉ có hình thức đối xướng đơn tính như vậy, trừ hát Dậm.

4.2.4. Đặc điểm diễn xướng thứ tư của Hát Dậm là trình diễn song hành cặp đôi giữa múa hát Dậm (trên đình) với bơi chải (dưới sông), tạo thành cặp biểu tượng Nam - Nữ, Cạn - Nước, Âm - Dương, tức là ngọn nguồn của cuộc sống nông nghiệp.

4.2.5. Cả năm đặc điểm diễn xướng trên lại đồng quy thành đặc điểm diễn xướng bao trùm hơn, là diễn xướng xướng - xô, một đặc trưng nghệ thuật của cả cư dân lúa nước, sông nước, lấy con thuyền và mái chèo làm phương tiện làm ăn, sinh sống.

Tóm lại, Hát Dậm là một lễ hội lịch sử - phong tục vào loại tương đối lớn của làng Quển cũng như của nhiều làng quê ở huyện Kim Bảng, trước đây cũng như hiện nay. Giữa lễ hội Hát Dậm Quển Sơn với các lễ hội làng khác cũng có những điểm giống nhau do giao lưu văn hoá, cũng có những điểm khác nhau do điều kiện lịch sử - văn hoá - môi trường của làng Quển và các làng khác quy định. Một hội làng như vậy có khá nhiều chức năng và ý nghĩa xã hội nhân văn, do đó, rất cần được nghiên cứu, giữ gìn và phát huy giá trị trong cuộc sống đương đại.

L.H.B